



Super Turbo Euro [600] 15W40 CK-4 là dầu động cơ diesel và xăng 4 thì cao cấp, được pha chế từ dầu gốc và phụ gia chất lượng cao, phù hợp cho các loại động cơ hút khí tự nhiên và tăng áp (turbo) hoạt động trong điều kiện khắc nghiệt, tốc độ và tải trọng cao.

Super Turbo Euro [600] 15W40 CK-4 đáp ứng được tiêu chuẩn của Viện dầu khí Hoa Kỳ (API), Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Châu Âu (ACEA) và các tiêu chuẩn độc lập của các nhà sản xuất động cơ danh tiếng trên thế giới như: Cummins, Volvo, Caterpillar, Renault, Mercedes Benz,.... Sản phẩm được khuyến nghị sử dụng cho các dòng xe tải công trình siêu trường - siêu trọng, xe tải - xe khách (xe buýt) đường dài, xe ben, xe đầu kéo, xà lan, ghe tàu - tàu biển v.v. **với chu kì thay dầu > 20.000km.** (Số km khuyến nghị tùy theo loại động cơ và được mô tả chi tiết theo tài liệu sản phẩm, cung cấp bởi Voltronic Việt Nam.)

TÍNH NĂNG:

- Phụ gia kiểm soát chống lại axit sinh ra từ nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh cao.
- Tẩy rửa và phân tán tốt làm sạch động cơ, hạn chế cặn bẩn, muội than.
- Biến tính ma sát, giảm ma sát giúp động cơ vận hành mượt mà, tiết kiệm nhiên liệu.
- Màng dầu bôi trơn tối ưu, giảm mài mòn, tăng tuổi thọ động cơ.
- Độ linh động cao ở nhiệt độ thấp, dễ dàng khởi động.
- Độ nhớt bền vững giúp động cơ vận hành ổn định, hạn chế tiếng ồn.
- Kéo dài thời gian thay dầu, tiết kiệm chi phí.

THÀNH PHẦN: Dầu bán tổng hợp - Gốc dầu nhóm II và nhóm III

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT:

- Cấp độ nhớt: **SAE 15W-40**
- Tiêu chuẩn đạt được:

API CK-4 / CI-4 PLUS / CJ-4

ACEA E9-16 (2016)

Cummins CES 20086,

Detroit Diesel DDC 93K222

Detroit Diesel DDC 93K223

Renault Truck RLD-3

Mack EO-S-4.5

Volvo VDS-4.5

CAT ECF-3

ACEA E11-22 (2022)

ACEA E7-16 (2016)

FORD WSS-M2C171-F1

MB-Approval 228.31

MTU Type 2.1

Deutz DQC III-10 LA

DEUTZ DQC III-18 LA

ALLISON TES-439 M

JASO DH-2 L

MAN M 3775



THÔNG SỐ KỸ THUẬT:

Thông số	Phương pháp	Kết quả
Độ nhớt động học ở 100°C (cSt)	ASTM D445	14.56
Chỉ số độ nhớt (Viscosity Index)	ASTM D2270	>=140
Trị số kiểm tổng (TBN) (mgKOH/g)	ASTM D2896	9.7
Nhiệt độ chớp cháy cốc hở (COC) (°C)	ASTM D92	238
Tổng hàm lượng kim loại (Ca, Mg, Kẽm) (%m)	ASTM D4951	0.351
Chỉ số bay hơi NOACK (% khối lượng bay hơi)	ASTM 5800	9.2
Mô phỏng khởi động lạnh (cP)	ASTM 5293	5500

Trên đây là những thông số tiêu biểu có sự sai số được cho phép trong sản xuất và không phải là quy cách.

THÔNG TIN CẢNH BÁO:

- Bảo quản nơi khô ráo, tránh xa nguồn nhiệt.
- Tránh xa tầm tay trẻ em. Không được uống.

AN TOÀN MÔI TRƯỜNG:

- Thu gom và tập trung dầu đã qua sử dụng đúng nơi quy định.
- Tuyệt đối không thải ra mặt đất, các nguồn nước, cống rãnh.

ỨNG DỤNG

- Được sử dụng tối ưu cả cho động cơ diesel hút khí tự nhiên và tăng áp, hoạt động ở tốc độ và tải trọng cao như động cơ xe container, xe kéo, xe bồn, xe khách, phương tiện vận tải trong công trường khai thác,... yêu cầu dầu động cơ có cấp chất lượng API CK-4 hoặc thấp hơn.
- Khuyến nghị sử dụng cho các loại động cơ đáp ứng yêu cầu khí thải từ Euro 4 đến Euro 6, các loại động cơ có hệ thống tuần hoàn khí thải EGR và hệ thống xử lý khí thải SCR NOx.
- Sử dụng được cho động cơ xăng yêu cầu dầu động cơ có chất lượng API SN hoặc thấp hơn.

